

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - A
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Số: 76/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc: “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh N** – SN: 24/8/1992; nơi cư trú: Số 06 B, phường C, thành phố D, tỉnh E (cũ) (nay là: Số 06 B, phường F, tỉnh A).

CCCD số: 052192012703; ngày cấp: 18/3/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh **Khổng Trương V** – SN: 20/3/1991; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện Y, tỉnh E (cũ) (nay là: Thôn G, xã K, tỉnh A).

CCCD số: 052091011349; ngày cấp: 06/8/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh E (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh A).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh

Khổng Trương V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Khổng Trương V thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Khổng Trương V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Khổng Trương V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Nguyễn Thị Minh N tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Chị Nguyễn Thị Minh N đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001497 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho chị N 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh A;
- VKSND khu vực 3 - A;
- Phòng THADS Khu vực 3 - A;
- UBND xã K, tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đức